

# CHỨNG KHOÁN

--Kiến thức cơ bản--

## KIẾN THỨC CHỨNG KHOÁN CƠ BẢN

### Tổng quan về Thị trường Chứng khoán

Thị trường chứng khoán trong điều kiện của nền kinh tế hiện đại, được quan niệm là nơi diễn ra các hoạt động giao dịch mua bán chứng khoán trung và dài hạn. Việc mua bán này được tiến hành ở thị trường sơ cấp khi người mua mua được chứng khoán lần đầu từ những người phát hành, và ở những thị trường thứ cấp khi có sự mua đi bán lại các chứng khoán đã được phát hành ở thị trường sơ cấp.

Như vậy, xét về mặt hình thức, thị trường chứng khoán chỉ là nơi diễn ra các hoạt động trao đổi, mua bán, chuyển nhượng các loại chứng khoán, qua đó thay đổi chủ thể nắm giữ chứng khoán. Thị trường chứng khoán có những chức năng cơ bản sau:

#### 1. Chức năng cơ bản của thị trường chứng khoán

- Huy động vốn đầu tư cho nền kinh tế
- Cung cấp môi trường đầu tư cho công chúng
- Tạo tính thanh khoản cho các chứng khoán
- Đánh giá hoạt động của doanh nghiệp
- Tạo môi trường giúp Chính phủ thực hiện các chính sách vĩ mô

#### 2. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán

Các tổ chức và cá nhân tham gia thị trường chứng khoán có thể được chia thành các nhóm sau: nhà phát hành, nhà đầu tư và các tổ chức có liên quan đến chứng khoán.

##### a) Nhà phát hành

Nhà phát hành là các tổ chức thực hiện huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán. Nhà phát hành là người cung cấp các chứng khoán - hàng hoá của thị trường chứng khoán.

- Chính phủ và chính quyền địa phương là nhà phát hành các trái phiếu Chính phủ và trái phiếu địa phương.
- Công ty là nhà phát hành các cổ phiếu và trái phiếu công ty.
- Các tổ chức tài chính là nhà phát hành các công cụ tài chính như các trái phiếu, chứng chỉ thụ hưởng... phục vụ cho hoạt động của họ.

##### b) Nhà đầu tư

Nhà đầu tư là những người thực sự mua và bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán. Nhà đầu tư có thể được chia thành 2 loại: nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư có tổ chức.

- Các nhà đầu tư cá nhân

- Các nhà đầu tư có tổ chức
- c) Các tổ chức kinh doanh trên thị trường chứng khoán
  - Công ty chứng khoán
  - Quỹ đầu tư chứng khoán
  - Các trung gian tài chính
- d) Các tổ chức có liên quan đến thị trường chứng khoán
  - Cơ quan quản lý Nhà nước
  - Sở giao dịch chứng khoán
  - Hiệp hội các nhà kinh doanh chứng khoán
  - Tổ chức lưu ký và thanh toán bù trừ chứng khoán
  - Công ty dịch vụ máy tính chứng khoán
  - Các tổ chức tài trợ chứng khoán
  - Công ty đánh giá hệ số tín nhiệm...

### 3. Các nguyên tắc hoạt động cơ bản của thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán hoạt động theo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Nguyên tắc công khai
- Nguyên tắc trung gian
- Nguyên tắc đấu giá

### 4. Cấu trúc và phân loại cơ bản của thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán là nơi diễn ra các giao dịch, mua bán những sản phẩm tài chính (cổ phiếu, trái phiếu, các khoản vay ngân hàng... có kỳ hạn trên 1 năm). Sau đây là một số cách phân loại TTCK cơ bản:

#### a) Căn cứ vào sự luân chuyển các nguồn vốn

Thị trường chứng khoán được chia thành thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp.

· Thị trường sơ cấp: là thị trường mua bán các chứng khoán mới phát hành. Trên thị trường này, vốn từ nhà đầu tư sẽ được chuyển sang nhà phát hành thông qua việc nhà đầu tư mua các chứng khoán mới phát hành.

· Thị trường thứ cấp: là nơi giao dịch các chứng khoán đã được phát hành trên thị trường sơ cấp, đảm bảo tính thanh khoản cho các chứng khoán đã phát hành.

#### b) Căn cứ vào phương thức hoạt động của thị trường

Thị trường chứng khoán được phân thành thị trường tập trung (Sở giao dịch chứng khoán) và phi tập trung (thị trường OTC).

c) Căn cứ vào hàng hoá trên thị trường

Thị trường chứng khoán cũng có thể được phân thành các thị trường: thị trường cổ phiếu, thị trường trái phiếu, thị trường các công cụ chứng khoán phái sinh.

- **Thị trường cổ phiếu:** thị trường cổ phiếu là thị trường giao dịch và mua bán các loại cổ phiếu, bao gồm cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi.

- **Thị trường trái phiếu:** thị trường trái phiếu là thị trường giao dịch và mua bán các trái phiếu đã được phát hành, các trái phiếu này bao gồm các trái phiếu công ty, trái phiếu đô thị và trái phiếu chính phủ.

- **Thị trường các công cụ chứng khoán phái sinh**

Thị trường các chứng khoán phái sinh là thị trường phát hành và mua đi bán lại các chứng từ tài chính khác như: quyền mua cổ phiếu, chứng quyền, hợp đồng quyền chọn...

## **Giới thiệu về trái phiếu và cổ phiếu**

### **A. Trái phiếu**

#### **1. Khái niệm:**

Trái phiếu là một loại chứng khoán quy định nghĩa vụ của người phát hành (người vay tiền) phải trả cho người nắm giữ chứng khoán (người cho vay) một khoản tiền xác định, thường là trong những khoảng thời gian cụ thể, và phải hoàn trả khoản cho vay ban đầu khi nó đáo hạn.

#### **2. Đặc điểm:**

a. Một trái phiếu thông thường có ba đặc trưng chính:

- + Mệnh giá.
- + Lãi suất định kỳ (coupon)
- + Thời hạn.

b. Trái phiếu thể hiện quan hệ chủ nợ – con nợ giữa người phát hành và người đầu tư. Phát hành trái phiếu là đi vay vốn. Mua trái phiếu là cho người phát hành vay vốn và như vậy, trái chủ là chủ nợ của người phát hành. Là chủ nợ, người nắm giữ trái phiếu (trái chủ) có quyền đòi các khoản thanh toán theo cam kết về khối lượng và thời hạn, song không có quyền tham gia vào những vấn đề của bên phát hành.

c. Lãi suất của các trái phiếu rất khác nhau, được quy định bởi các yếu tố:

+ Cung cầu vốn trên thị trường tín dụng. Lượng cung cầu vốn đó lại tùy thuộc vào chu kỳ kinh tế, động thái chính sách của ngân hàng trung ương, mức độ thâm hụt ngân sách của chính phủ và phương thức tài trợ thâm hụt đó.

+ Mức rủi ro của mỗi nhà phát hành và của từng đợt phát hành. Cấu trúc rủi ro của lãi suất sẽ quy định lãi suất của mỗi trái phiếu. Rủi ro càng lớn, lãi suất càng cao.

+ Thời gian đáo hạn của trái phiếu. Nếu các trái phiếu có mức rủi ro như nhau, nhìn chung thời gian đáo hạn càng dài thì lãi suất càng cao.

### 3. Phân loại trái phiếu.

#### 3.1. Căn cứ vào việc có ghi danh hay không:

- Trái phiếu vô danh: là trái phiếu không mang tên trái chủ, cả trên chứng chỉ cũng như trên sổ sách của người phát hành. Những phiếu trả lãi đúng theo tờ chứng chỉ, và khi đến hạn trả lãi, người giữ trái phiếu chỉ việc xé ra và mang tới ngân hàng nhận lãi. Khi trái phiếu đáo hạn, người nắm giữ nó mang chứng chỉ tới ngân hàng để nhận lại khoản cho vay.

- Trái phiếu ghi danh: là loại trái phiếu có ghi tên và địa chỉ của trái chủ, trên chứng chỉ và trên sổ của người phát hành. Hình thức ghi danh có thể chỉ thực hiện cho phần vốn gốc, cũng có thể là ghi danh toàn bộ, cả gốc lẫn lãi. Dạng ghi danh toàn bộ mà đang ngày càng phổ biến là hình thức ghi sổ. Trái phiếu ghi sổ hoàn toàn không có dạng vật chất, quyền sở hữu được xác nhận bằng việc lưu giữ tên và địa chỉ của chủ sở hữu trên máy tính.

#### 3.2. Căn cứ vào đối tượng phát hành trái phiếu:

- Trái phiếu chính phủ: là những trái phiếu do chính phủ phát hành nhằm mục đích bù đắp thâm hụt ngân sách, tài trợ cho các công trình công ích, hoặc làm công cụ điều tiết tiền tệ. Trái phiếu chính phủ là loại chứng khoán không có rủi ro thanh toán và cũng là loại trái phiếu có tính thanh khoản cao. Do đặc điểm đó, lãi suất của trái phiếu chính phủ được xem là lãi suất chuẩn để làm căn cứ ấn định lãi suất của các công cụ nợ khác có cùng kỳ hạn.

- Trái phiếu công trình: là loại trái phiếu được phát hành để huy động vốn cho những mục đích cụ thể, thường là để xây dựng những công trình cơ sở hạ tầng hay công trình phúc lợi công cộng. Trái phiếu này có thể do chính phủ trung ương hoặc chính quyền địa phương phát hành.

- Trái phiếu công ty: là các trái phiếu do các công ty phát hành để vay vốn dài hạn. Trái phiếu công ty có đặc điểm chung sau: Trái chủ được trả lãi định kỳ và trả gốc khi đáo hạn, song không được tham dự vào các quyết định của công ty. Nhưng cũng có loại trái phiếu không được trả lãi định kỳ, người mua được mua dưới mệnh giá và khi đáo hạn được nhận lại mệnh giá. Khi công ty giải thể hoặc thanh lý, trái phiếu được ưu tiên thanh toán trước các cổ phiếu. Có những điều kiện cụ thể kèm theo, hoặc nhiều hình thức đảm bảo cho khoản vay.

Trái phiếu công ty bao gồm những loại sau:

+ Trái phiếu có đảm bảo: là trái phiếu được đảm bảo bằng những tài sản thế chấp cụ thể, thường là bất động sản và các thiết bị. Người nắm giữ trái phiếu này được bảo vệ ở một mức độ cao trong trường hợp công ty phá sản, vì họ có quyền đòi nợ đối với một tài sản cụ thể.

+ Trái phiếu không bảo đảm: Trái phiếu tín chấp không được đảm bảo bằng tài sản mà được đảm bảo bằng tín chấp của công ty. Nếu công ty bị phá sản, những trái chủ của trái phiếu này được giải quyết quyền lợi sau các trái chủ có bảo đảm, nhưng trước cổ động. Các trái phiếu tín chấp có thể chuyển đổi cho phép trái chủ được quyền chuyển trái phiếu thành cổ phiếu thường của công ty phát hành. Tùy theo quy định, việc chuyển đổi có thể được tiến hành vào bất cứ thời điểm nào, hoặc chỉ vào những thời điểm cụ thể xác định.

Ngoài những đặc điểm trên, mỗi đợt trái phiếu được phát hành có thể được gắn kèm theo những đặc tính riêng khác nữa nhằm đáp ứng nhu cầu cụ thể của một bên nào đó. Cụ thể là:

+ Trái phiếu có thể mua lại cho phép người phát hành mua lại chứng khoán trước khi đáo hạn khi thấy cần thiết. Đặc tính này có lợi cho người phát hành song lại bất lợi cho người đầu tư, nên loại trái phiếu này có thể có lãi suất cao hơn so với những trái phiếu khác có cùng thời hạn.

+ Trái phiếu có thể bán lại: cho phép người nắm giữ trái phiếu được quyền bán lại trái phiếu cho bên phát hành trước khi trái phiếu đáo hạn. Quyền chủ động trong trường hợp này thuộc về nhà đầu tư, do đó lãi suất của trái phiếu này có thể thấp hơn so với những trái phiếu khác có cùng thời hạn.

+ Trái phiếu có thể chuyển đổi cho phép người nắm giữ nó có thể chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thường, tức là thay đổi tư cách từ người chủ nợ trở thành người chủ sở hữu của công ty.

## B. Cổ phiếu

### I. Khái niệm

Khi một công ty gọi vốn, số vốn cần gọi đó được chia thành nhiều phần nhỏ bằng nhau gọi là cổ phần. Người mua cổ phần gọi là cổ đông. Cổ đông được cấp một giấy chứng nhận sở hữu cổ phần gọi là cổ phiếu và chỉ có công ty cổ phần mới phát hành cổ phiếu. Như vậy, cổ phiếu chính là một chứng thư chứng minh quyền sở hữu của một cổ đông đối với một công ty cổ phần và cổ đông là người có cổ phần thể hiện bằng cổ phiếu.

Thông thường hiện nay các công ty cổ phần thường phát hành 02 dạng cổ phiếu: Cổ phiếu thường và cổ phiếu ưu đãi.

Các cổ đông sở hữu cổ phiếu thông thường có quyền hạn và trách nhiệm đối với công ty như: Được chia cổ tức theo kết quả kinh doanh; Được quyền bầu cử, ứng cử vào bộ máy

quản trị và kiểm soát công ty; Và phải chịu trách nhiệm về sự thua lỗ hoặc phá sản tương ứng với phần vốn góp của mình.

Các cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi cũng là hình thức đầu tư vốn cổ phần như cổ phiếu thông thường nhưng quyền hạn và trách nhiệm hạn chế như: lợi tức cố định; không có quyền bầu cử, ứng cử..v.v.

## II. Tác dụng của việc phát hành Cổ phiếu:

Đối với Công ty phát hành:

Việc phát hành cổ phiếu sẽ giúp cho Công ty có thể huy động vốn khi thành lập hoặc để mở rộng kinh doanh. Nguồn vốn huy động này không cấu thành một khoản nợ mà công ty phải có trách nhiệm hoàn trả cũng như áp lực về khả năng cân đối thanh khoản của công ty sẽ giảm rất nhiều, trong khi sử dụng các phương thức khác như phát hành trái phiếu công ty, vay nợ từ các tổ chức tín dụng ...thì hoàn toàn ngược lại. Tuy nhiên, mỗi phương thức huy động đều có những ưu nhược điểm riêng và nhà quản lý công ty phải cân nhắc, lựa chọn tùy từng thời điểm và dựa trên những đặc thù cũng như chiến lược kinh doanh của công ty để quyết định phương thức áp dụng thích hợp.

Đối với nhà đầu tư cổ phiếu:

Các nhà đầu tư trên thị trường sẵn sàng mua Cổ phiếu được công ty phát hành. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần được phát hành dưới dạng chứng thư có giá và được xác định thông qua việc chuyển dịch, mua bán chứng khoán giữa các chủ thể đầu tư và được pháp luật bảo vệ. Mặt khác, người mua cổ phiếu nghĩ rằng đồng vốn họ đầu tư được các nhà quản lý công ty sử dụng có hiệu quả, tạo ra nhiều lợi nhuận hoặc đánh giá hoạt động cũng như tiềm năng phát triển, sinh lợi của công ty dự định đầu tư là cao, và đương nhiên họ sẽ được hưởng một phần từ những thành quả đó thông qua việc thanh toán cổ tức cho các cổ đông, đồng thời giá trị cổ phần sở hữu cũng sẽ gia tăng trên cơ sở thực tại và triển vọng phát triển của công ty mình đã chọn. Thông thường, khả năng sinh lợi, thu hồi vốn đầu tư cổ phiếu tỷ lệ thuận với giá cả giao dịch cổ phiếu trên thị trường.

### \* *Cổ phiếu phổ thông*

Khi nói đến hàng hóa trên thị trường chứng khoán, người ta thường nghĩ ngay đến Cổ Phiếu phổ thông (common stock). Thực tế tại nhiều nước trên thế giới, thị trường chứng khoán (the securities market) đã rất quen thuộc đối với mọi người dân. Ví dụ, ở Mỹ, trung bình cứ 4 người trên 25 tuổi thì có một người sở hữu (own) cổ phiếu phổ thông, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp thông qua các quỹ tương hỗ (mutual funds) .

Vậy bản chất của cổ phiếu phổ thông là gì?

Một cổ phiếu phổ thông đại diện cho quyền sở hữu một phần công ty (represent a proportional ownership interest in a corporation). Nếu một công ty có 100 cổ phiếu đang lưu hành (outstanding stock) và bạn sở hữu một trong số đó thì có nghĩa là bạn sở hữu 1/100 công ty. Nếu công ty có 1.000.000 cổ phiếu đang lưu hành và bạn nắm giữ 1.000 cổ phiếu thì bạn sở hữu 1.000/1.000.000 hay 1/1.000 công ty. Thông thường, một công ty có thể thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành bằng cách bán các cổ phiếu bổ sung (selling additional shares) hay mua lại và huỷ bỏ một phần các cổ phiếu đã phát hành trước đó (buying back and cancelling some of the shares previously issued). Trong cả hai trường hợp trên, tỷ lệ sở hữu của các cổ đông cũ trong công ty đều thay đổi.

Ví dụ, một công ty phát hành 100 cổ phiếu ra công chúng (issue 100 shares to the public) và bạn mua một trong số này. Như vậy, bạn sở hữu 1/100 công ty. Sau đó, công ty phát hành thêm 100 cổ phiếu nữa thì tỷ lệ sở hữu của bạn giảm xuống còn 1/200. Nói cách khác, tỷ lệ sở hữu của bạn trong công ty đã bị pha loãng (diluted) do việc phát hành cổ phiếu mới (the issuance of new shares).

Một ví dụ khác, giả sử một công ty có 1.000.000 cổ phiếu đang lưu hành và bạn mua một cổ phiếu của công ty. Sau đó, công ty mua lại và huỷ bỏ 250.000 cổ phiếu. Vậy, tỷ lệ sở hữu của bạn trong công ty từ 1/1.000.000 tăng lên 1/750.000.

Lưu ý là cần phân biệt rõ cổ phiếu đang lưu hành, cổ phiếu được phép phát hành (authorized stock) và cổ phiếu ngân quỹ (treasury stock).

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành, như tên của nó đã chỉ ra, là số lượng cổ phiếu tối đa mà công ty có thể phát hành. Quy định này đặt ra nhằm tránh tình trạng pha loãng quá mức (excessive dilution) tỷ lệ sở hữu trong công ty của các cổ đông hiện hữu (current shareholders) . Trong thực tiễn, có nhiều công ty không phát hành hết số lượng cổ phiếu mà nó được phép .

Cổ phiếu đang lưu hành là những cổ phiếu mà công ty đã bán cho các nhà đầu tư và chưa mua lại để huỷ bỏ hay cầm giữ. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành được sử dụng để tính toán tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ nợ trên vốn (debt-to-equity ratio).

Vì nhiều lý do khác nhau, một công ty có thể mua lại cổ phiếu của chính mình và nắm giữ như các nhà đầu tư bình thường khác. Các cổ phiếu này được gọi là cổ phiếu ngân quỹ và không được tính vào cổ phiếu đang lưu hành.

Tại sao có nhiều người đầu tư vào cổ phiếu? Khi mua cổ phiếu, các nhà đầu tư cùng hướng tới những mục tiêu giống như những người bỏ tiền ra để mua hoặc khởi sự doanh nghiệp:

1. Họ tìm kiếm cổ tức (dividends), có nghĩa là họ hy vọng doanh nghiệp sẽ tạo ra lợi nhuận (generate profits) để có thể phân phối (distribute) cho các chủ sở hữu;
2. Họ tìm kiếm lãi vốn (capital gains), có nghĩa là họ hy vọng doanh nghiệp sẽ tăng trưởng về giá trị (grow in value) và do đó, họ có thể bán phần sở hữu của mình với mức giá cao hơn mức giá mà họ đã mua;



3. Họ tìm kiếm những lợi ích về thuế (tax benefits) mà luật thuế (tax code) dành cho các chủ sở hữu doanh nghiệp.

Đối với các nhà đầu tư khác nhau thì tầm quan trọng của mỗi yếu tố trên cũng khác nhau bởi vì họ không có cùng một mục đích đầu tư (investment objective). Ví dụ, những người về hưu vốn phải sống dựa chủ yếu vào thu nhập từ các khoản đầu tư sẽ đề cao vai trò của cổ tức trong khi một số người khác lại chú ý hơn đến khả năng thu lãi vốn.

#### \* *Cổ phiếu đại chúng*

Một trong những yếu tố rất quan trọng mà nhà đầu tư nên cân nhắc trước khi quyết định đầu tư là tính đại chúng của cổ phiếu (CP). Vậy CP đại chúng là gì và ảnh hưởng của CP đại chúng đối với việc đầu tư như thế nào?

CP đại chúng là gì?

Có thể hiểu CP đại chúng là CP có số lượng công chúng tham gia đầu tư đông đảo và chiếm một tỷ lệ nắm giữ cao trong tổng số CP phổ thông của tổ chức phát hành.

Tính đại chúng của CP một công ty càng cao khi vốn cổ phần càng lớn, tỷ lệ vốn cổ phần phát hành ra bên ngoài cao và có nhiều nhà đầu tư bên ngoài tham gia nắm giữ CP của công ty. Khi soạn thảo Nghị định 48/NĐ-CP/1998 về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK), các nhà làm luật đã rất chú ý tới khía cạnh này.

Hai trong bảy điều kiện để một công ty có thể phát hành chứng khoán ra công chúng là:

Mức vốn điều lệ tối thiểu là 10 tỷ đồng Việt Nam

Tối thiểu 20% vốn cổ phần của tổ chức phát hành phải được bán cho trên 100 người đầu tư ngoài tổ chức phát hành. Trường hợp vốn cổ phần của tổ chức phát hành từ 100 tỷ đồng trở lên thì tỷ lệ tối thiểu này là 15% vốn cổ phần của tổ chức phát hành.

Trên thực tế, tính đại chúng của CP còn phụ thuộc vào một số yếu tố sau:

Tỷ lệ cổ phần phổ thông có quyền chuyển nhượng tự do trên tổng số vốn cổ phần: Điều này làm cho CP có tính thanh khoản cao.

Mức độ hạn chế về thời gian chuyển nhượng của CP (đối với nhà đầu tư nước ngoài cũng như nhà đầu tư trong nước).

Tỷ lệ lưu ký CP: CP niêm yết muốn mua bán phải được lưu ký lại Trung tâm giao dịch.

Tỷ lệ lưu ký thấp tức là số lượng CP có thể tiến hành giao dịch được sẽ không cao.

Tỷ lệ nắm giữ tối đa của một tổ chức, cá nhân: Khi điều lệ công ty cho phép một tổ chức hay cá nhân nắm giữ một tỷ lệ cao trong tổng số CP thì chỉ cần vài cổ đông lớn tham gia là không còn CP để bán cho các cổ đông nhỏ khác. Thêm vào đó, CP này dễ bị thôn tính bởi một tổ chức hay cá nhân nhằm phục vụ cho lợi ích riêng của họ.

Lĩnh vực hoạt động: CP của công ty hoạt động trong các lĩnh vực đặc biệt mà nhà đầu tư ít có kiến thức hay hiểu biết về lĩnh vực này thì sẽ không thu hút được nhiều nhà đầu tư bằng CP của công ty hoạt động trong các lĩnh vực được nhiều người biết đến.

Tình hình hoạt động: Một công ty hoạt động tốt, bền vững sẽ có khả năng thu hút nhiều công chúng đầu tư vào công ty.

Mức độ công khai thông tin: Nhà đầu tư sẽ cảm thấy yên tâm hơn khi quyết định đầu tư vào một loại chứng khoán mà họ có khả năng tìm kiếm được thông tin cần thiết về chứng khoán này một cách dễ dàng và nhanh chóng.

Độ lớn của TTCK: Khi quy mô của thị trường còn nhỏ, có ít hàng hoá... sẽ khó thu hút được nhiều công chúng đầu tư vì nhà đầu tư khó mà mua được CP lúc cần mua và bán CP vào thời điểm thích hợp...

Cổ phiếu đại chúng có ưu điểm gì?

Giá CP dao động sát hơn với giá trị nội tại của chúng: Giá CP dao động tùy thuộc vào sự phán đoán của số đông mà tâm lý số đông thường chính xác hơn tâm lý thiểu số.

Hạn chế được hiện tượng đầu cơ, lũng đoạn thị trường: Do số lượng CP nhiều nên giá vốn hoá thị trường (giá trị thị trường của công ty) lớn, nhà đầu cơ khó mà có đủ tiền để làm khuynh đảo giá CP.

Hoạt động của công ty sẽ minh bạch hơn: Hoạt động của công ty, các động tĩnh của các nhà quản lý sẽ được một lượng hùng hậu các cổ đông để mắt tới nên có thể hạn chế được tiêu cực xảy ra.

Có tính thanh khoản cao: Do có số lượng CP nhiều và có nhiều nhà đầu tư tham gia nên tại một thời điểm nào đó sẽ có nhiều người bán và nhiều người mua...

Nói chung, tính đại chúng của CP được quyết định bởi rất nhiều yếu tố. Nâng cao tính đại chúng của CP là một trong những cách để doanh nghiệp quảng bá và bảo vệ CP của mình.

### **Các đặc tính của trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu có tính chuyển đổi (sau đây gọi tắt là trái phiếu chuyển đổi) là trái phiếu có thể chuyển thành cổ phiếu thường vào một thời điểm được xác định trước trong tương lai. Loại trái phiếu này có đặc điểm là được trả một mức lãi suất cố định nên có vẻ giống như trái phiếu nhưng mặt khác lại có thể chuyển đổi thành loại cổ phiếu thường của công ty và đây cũng chính là điểm hấp dẫn của trái phiếu có tính chuyển đổi.

Khi thị trường đang phát triển, nhà đầu tư thường quan tâm nhiều đến cổ phiếu (CP) nên thị trường trái phiếu (TP) bị sa sút. Để tăng tính hấp dẫn với người đầu tư, các công ty phát hành TP có thể thêm vào đặc tính chuyển đổi, và công ty sẽ trả lãi suất thấp hơn cho nhà đầu tư sở hữu loại TP chuyển đổi này.

Ngược lại, khi thị trường TP phát triển, TP có tính chuyển đổi sẽ phát huy tác dụng như một phương tiện tăng vốn cổ phần dựa trên cơ sở trì hoãn trả nợ vì khi TP chuyển đổi biến thành CP, vốn huy động của công ty sẽ thay đổi từ nợ sang vốn.